

Số: ~~3904~~ /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 27 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán kế hoạch đặt hàng trong quản lý, khai thác
công trình thủy lợi năm 2018 của Công ty TNHH một thành viên
Khai thác thủy lợi Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về
sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về
giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá
hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước
và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về
đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy
định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính
hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao
kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật
Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính
hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi
sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính
quy định về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh
về việc quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá nước để phục
vụ cho các mục đích không sản xuất lương thực trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh
về phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý và khai thác
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày
12/8/2011 của UBND tỉnh về điều chỉnh định mức lao động trên đơn vị sản

Sơ yếu: - KĐ. Ks. v. l. y. ;
- Các phụ lục. C. C. y. ;
- Các chỉ. u. h. o. p. T. h. ;
- C. y. D. a. n. C. y. ;
- H. u. a. n. B. i. e. n. ;
Đ. h. p. y. T. C. K. T. ;

28
12



phẩm và bổ sung định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng, trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh phê duyệt diện tích đất sản xuất nông nghiệp miễn, hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi kế hoạch năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định thí điểm cơ chế đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi đối với Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 400/TTr-SNN&PTNT ngày 25/12/2018 và Báo cáo số 321/BC-SNN&PTNT ngày 25/12/2018 (kèm theo Biên bản họp các Sở, ngành, đơn vị ngày 25/12/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kế hoạch đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2018 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam, với một số nội dung chính như sau:

1. Kế hoạch khối lượng sản lượng, dịch vụ thủy lợi

- Diện tích tưới nước, cấp nước: 50.313,28 ha.
- Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định: 3.000.000.000 đồng

2. Kế hoạch giá sản phẩm, dịch vụ

Thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 của Chính phủ quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá nước để phục vụ cho các mục đích không sản xuất lương thực trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Kế hoạch tài chính.

a) Doanh thu: 58.361.385.000 đồng, trong đó:

- Hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi: 47.216.555.000 đồng
- Hoạt động dịch vụ thủy lợi khác: 10.744.830.000 đồng
- Hoạt động tài chính: 400.000.000 đồng.

b) Chi phí: 70.939.153.000 đồng

c) Cân đối thu chi.

- Doanh thu (1): 58.361.385.000 đồng

- Chi phí (2): 70.939.153.000 đồng

* Thiếu (1)-(2): - 12.577.768.000 đồng

d) Ngân sách hỗ trợ để trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Tiền lương người lao động: 32.915.891.000 đồng

+ Hỗ trợ 02 tháng lương: 5.485.982.000 đồng

- Tiền lương người quản lý Công ty: 1.522.197.000 đồng

+ Hỗ trợ 1,5 tháng lương: 190.274.000 đồng

* Tổng cộng hỗ trợ: 5.676.256.000 đồng

4. Kế hoạch chi đầu tư sửa chữa lớn.

- Sửa chữa lớn tài sản cố định: 6.969.178.000 đồng

5. Kế hoạch ngân sách trợ giá.

- Ngân sách trợ giá theo điểm c, khoản 3 Điều này: 12.577.768.000 đồng

6. Kế hoạch lao động - tiền lương.

a) Người quản lý doanh nghiệp.

- Lao động bình quân: 05 người (Chuyên trách 05 người và Không chuyên trách 01 người).

- Tổng quỹ tiền lương: 1.522.197.000 đồng

- Mức lương bình quân (chuyên trách): 24.680.000 đồng/người/tháng

b) Người lao động.

- Lao động bình quân: 400 người

- Tổng quỹ tiền lương: 32.915.891.000 đồng

- Mức lương bình quân: 6.857.000 đồng/người/tháng

7. Kế hoạch nộp ngân sách: 689.608.000 đồng.

8. Phần Ngân sách hỗ trợ cho Công ty do ưu đãi đầu tư.

- Hỗ trợ doanh thu, thuế GTGT đối với tiền nước thô bán cho Công ty TNHH Number One Chu Lai là 780 đồng/m³ (Giá bán theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam là 900 đồng/m³; giá bán Hợp đồng A-B theo Công văn số 2779/UBND-KTTH ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc một số nội dung liên quan đến thu tiền nước cung cấp cho Công ty TNHH Number One Chu Lai và Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh là 165 đồng/m³);

- Hỗ trợ tiền thuế tài nguyên đối với tiền nước thô bán cho Công ty TNHH Number One Chu Lai là 3% trên giá chênh lệch 780 đồng/m³.

9. Chất lượng dịch vụ: Điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và theo yêu cầu của các ngành kinh tế khác.



10. Thời gian hoàn thành: 31/12/2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng với các Sở: Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./s

Nơi nhận:

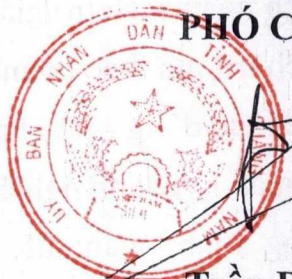
- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CPVP;
- Lưu VT, KTN, KTTH.

E:\Le Dang Quang KTTH\Dropbox\cong van di\2018\thang 12\28-12-2018 đặt hàng.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng